

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 150/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14-2-2023

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Bùi Diệu Huệ

2/ Bà Lê Thị Tý

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh Hương – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thương Thương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1481/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 455/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thạch NP – Sinh năm: 19xx (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 430/4 ấp T, xã TT, huyện CT, tỉnh B Tạm trú: 22 Đường X, khu phố Y, phường B, quận BT, Thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Lê TB – Sinh năm: 19xx (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 430/4 ấp T, xã TT, huyện CT, tỉnh B Tạm trú: 11/8 Đường X, khu phố Y, phường B, quận BT, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp cho Tòa án và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Thạch NP trình bày: Bà Thạch NP và ông Lê TB kết hôn với nhau từ năm 2009 theo giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyền số 02 do Ủy ban nhân dân xã TT, huyện CT, tỉnh B cấp ngày 31/7/2009. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường. Tuy nhiên sau khi bà sinh con, giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, tình cảm cả hai không hòa hợp. Bà và ông TB

đã nhiều lần hàn gắn, tìm tiếng nói chung nhưng không thể hàn gắn được. Ông TB thường xuyên ăn nhậu, đánh đập, khủng bố tinh thần bà. Nên hôn nhân của bà và ông TB không có hạnh phúc, không thể tiếp tục kéo dài được nữa. Bà và ông TB đã sống ly thân từ tháng 7/2022 đến nay.

Nay bà NP xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông TB

Về con chung: Bà Thạch NP và ông Lê TB có 01 (một) con chung tên Lê BA, sinh ngày 01/02/20xx. Bà NP yêu cầu được nuôi trẻ Lê BA, không yêu cầu ông TB cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Thạch NP không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Thạch NP tự nguyện chịu.

Bị đơn Ông Lê TB trình bày: Ông thừa nhận việc chung sống, kết hôn, về con chung, về tài sản chung, nợ chung như lời bà NP trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn nhưng từ những việc nhỏ nhất trong gia đình, không lớn, không đến mức phải ly hôn. Ông TB thừa nhận ông có đánh bà NP, nhưng chuyện này đã xảy ra từ rất lâu rồi, sau đó ông đã xin lỗi và bà NP đã tha thứ cho ông. Nay bà NP yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì ông vẫn còn thương vợ con, ông mong muốn đoàn tụ với bà NP cùng chăm lo cho con.

Về con chung: Ông Lê TB xác nhận ông và bà NP có 01 (một) con chung tên Lê BA, sinh ngày 01/02/20xx. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà NP thì ông đồng ý giao trẻ Lê BA cho bà NP trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà NP không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con nên ông thống nhất không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông Lê TB không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Thạch NP tự nguyện chịu nên ông không chịu.

Tại phiên tòa: Bà Thạch NP có đơn xin vắng mặt, ông Lê TB vắng mặt không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng thẩm quyền, thực hiện đúng trình tự tố tụng từ tổng đạt, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Tuy nhiên, thủ tục nhận và xử lý đơn không đúng quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 191 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nhận thấy, hôn nhân của ông TB và bà NP có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà NP không thể hiện ý chí đoàn tụ và hàn gắn hôn nhân nên căn cứ vào Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của bà NP là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà Thạch NP yêu cầu được nuôi cháu Lê BA, sinh ngày 01/02/20xx, không yêu cầu ông TB cấp dưỡng nuôi con, đồng thời cháu BA cũng có

nguyện vọng được ở với mẹ nếu ba mẹ ly hôn, điều này phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, do đó yêu cầu được nuôi con chung của bà NP là có cơ sở chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thạch NP với ông Lê TB; Giao cháu Lê BA cho bà Thạch NP trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận về việc bà NP không yêu cầu ông TB phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Thạch NP và ông Lê TB có đăng ký kết hôn, bà Thạch NP yêu cầu ly hôn với ông Lê TB nên đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Do tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Ông TB đang cư trú tại quận BT, Thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân xã TT, huyện CT, tỉnh B cấp ngày 31/7/2009 cùng lời khai của ông TB và bà Thạch NP nên có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà NP và ông TB là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của Bà Thạch NP: theo thừa nhận của bà NP và ông Lê TB thì hôn nhân của ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, ông TB thiếu trách nhiệm không quan tâm vợ con, bạo lực gia đình. Bà NP cũng đã cho ông cơ hội và duy trì hôn nhân tồn tại đến nay. Ông TB có ý kiến mong muốn hàn gắn gia đình, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử, ông vẫn không có động thái cũng như phương án nào để hàn gắn vợ chồng, ông bà vẫn không sống chung, bà NP một mình nuôi con. Cho thấy, ông TB không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm đến vợ con, điều này đã vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình là “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;” và “vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung”.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, bà NP vẫn cương quyết ly hôn. Như vậy, có thể thấy hôn nhân của ông TB và bà NP đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc

vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được” chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thạch NP đối với ông Lê TB.

[2.2] Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà Thạch NP yêu cầu được nuôi cháu Lê BA, sinh ngày 01/02/20xx, ông TB cũng đồng ý, cháu BA hiện sống với mẹ và cũng có nguyện vọng ở với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà NP.

[2.3] Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[2.4] Về nợ chung và nghĩa vụ tài sản khác: Bà NP và ông TB xác định không có nên không xem xét.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân: Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tại phiên Tòa, có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Thạch NP phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19, Điều 51, Khoản 1 Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch NP về việc xin ly hôn với ông Lê TB.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch NP được ly hôn với ông Lê TB.

Giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân xã TT, huyện CT, tỉnh B cấp ngày 31/7/2009 cấp không còn giá trị.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê TB và bà Thạch NP có 01 (một) con chung tên Lê BA, sinh ngày 01/02/20xx. Giao trẻ Lê BA cho bà NP trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà NP không yêu cầu ông TB cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông TB có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con Tòa án có thể quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu của cha, mẹ; thay đổi quyền nuôi con của bà NP khi bà NP, ông TB hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu.

Bà NP có quyền yêu cầu ông TB thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia Đình năm 2014; yêu cầu ông TB cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Bà NP cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông TB trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Thạch NP và ông Lê TB không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

1.4. Về nợ chung và nghĩa vụ tài sản khác: Bà Thạch NP và ông Lê TB xác định không có, nên không xem xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Thạch NP phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà NP đã nộp theo biên lai thu số 0009616 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Bình Tân;
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Chi cục THA DS Q.Bình Tân;
- Cơ quBA đăng ký kết hôn;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Hạnh